

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2020/ST- HNGĐ

Ngày: 15 - 9 - 2020

V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Hữu Tuyển

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Văn Hoàn và ông Nguyễn Xuân Thí

- Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Thị Hương Giang - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Ngọc Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 15/9/2020, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình mở phiên tòa sơ thẩm xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số: 67/2019/TLST ngày 12 tháng 12 năm 2019, về việc ly hôn;

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1212/2020/QĐ-ST ngày 17/8/2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Phan Ngọc A, sinh năm 1986

Địa chỉ: T1, 6, phường Đ, thành phố H, tỉnh Quảng Bình. Có mặt

- Bị đơn: Chị Hoàng Thị M, sinh năm 1987

Nơi đăng ký NKTT trước khi xuất cảnh: , 6, phường Đ, thành phố H, tỉnh Quảng Bình. Hiện cư trú tại CHLB Đức theo địa chỉ: H 82 1036 Berlin – Lichtenberg – Germany. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo khởi kiện đề ngày 18/11/2019 và các bản tự khai đề ngày 25/01/2020, ngày 15/7/2020 và trình bày của nguyên đơn anh Phan Ngọc A tại phiên toà:***

- Về tình cảm: Anh Phan Ngọc A và chị Hoàng Thị M yêu nhau và cả hai cùng thống nhất đi đến hôn nhân, đã đăng ký kết hôn tại UBND phường Đ, thành phố H, tỉnh Quảng Bình vào ngày 12/12/2008 là hoàn toàn tự nguyện. Sau khi cưới vợ chồng sống hạnh phúc không được bao lâu, anh thấy vợ chồng không hoà hợp, có nhiều mâu thuẫn. Tháng 12/2018 chị M đi Đức làm ăn và sinh sống. Anh thấy vợ chồng không còn tình cảm nên anh yêu cầu Toà án giải quyết cho anh và chị M được ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng anh Phan Ngọc A và chị Hoàng Thị M có 02 con chung là Phan B, sinh ngày 08/6/2009 và Phan Hoàng R, sinh ngày 28/10/2010. Hiện hai con đang ở với anh Phan Ngọc A, sau khi ly hôn nguyện vọng của anh xin được

nuôi con, về cấp dưỡng nuôi con là tùy chị M. Nếu chị M có nguyện vọng nuôi con anh cũng đồng ý và anh xác nhận chữ viết, chữ ký tại bản tự khai đề ngày 02/7/2020 là chữ viết, chữ ký của chị Hoàng Thị M vợ anh.

- Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

* Bị đơn chị Hoàng Thị M có bản tự khai đề ngày 02/7/2020 gửi từ Cộng hoà liên bang Đức về cho Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình thông qua địa chỉ của Phan Ngọc A. Chị M đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án của Toà án nhưng do điều kiện địa lý cách trở chị không thể về nước để đến Toà án giải quyết vụ án được, chị làm bản tự khai đề Toà án xem giải quyết và xin được xét xử vắng mặt với nội dung như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phan Ngọc A yêu nhau và cả hai cùng thống nhất đi đến hôn nhân, đã đăng ký kết hôn tại UBND phường Đ, thành phố H, tỉnh Quảng Bình vào ngày 12/12/2008 là toàn tự nguyện. Do điều kiện kinh tế khó khăn nên tháng 12/2018 chị sang Đức để làm ăn cải thiện kinh tế gia đình. Anh Phan Ngọc A làm đơn ly hôn chị đồng ý.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Phan B, sinh ngày 08/6/2009 và Phan Hoàng R, sinh ngày 28/10/2010. Hiện hai con đang ở với anh Phan Ngọc A, sau khi ly hôn nguyện vọng của chị M xin được nuôi 2 con. Hiện tại chị chưa về nước được nên chị muốn uỷ quyền cho bà Đặng Thị D nuôi 2 con, chị sẽ chu cấp đầy đủ cho hai con học hành đến khi trưởng thành mà không yêu cầu anh A phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Vợ chồng chúng tôi không có tài sản chung.

* Bà Đặng Thị D, sinh năm 1967 – là người được chị Hoàng Thị M trình bày uỷ quyền thay chị L trông nom chăm sóc các con có bản tự khai ngày 17/8/2020, bà trình bày: Bà là mẹ của anh Phan Ngọc A, là mẹ chồng của chị M. Hiện nay bà đang sinh sống tại T6, phường Đ, thành phố H, tỉnh Quảng Bình. Bà biết việc anh A và chị L đang giải quyết việc ly hôn tại Toà án, gia đình đã khuyên can vợ chồng đoàn tụ để nuôi dạy con cái nhưng anh A và chị M không nghe mà muốn ly hôn. Hiện sức khoẻ bà bình thường, còn lao động được. Chị M có điện thoại về nhờ bà trông nom các cháu, chị M sẽ gửi tiền về đủ cho bà trang trải cho các cháu ăn học bà đồng ý.

Quá trình giải quyết vụ án Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã nhận được công văn số 3804/QLXNC ngày 23/3/2020 của Cục quản lý xuất nhập cảnh Bộ Công an về việc cung cấp thông tin xuất nhập cảnh đối với chị M. Toà án đã thực hiện việc uỷ thác tư pháp cho cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam tại Cộng hoà liên bang đức tại Văn bản uỷ thác tư pháp (lần 1) số: 1860/UTTPDS-TA46 ngày 10/02/2020 và Văn bản uỷ thác tư pháp (lần 2) số: 848/UTTPDS-TA46 ngày 16/6/2020 nhưng đều không có kết quả.

Ngày 17/7/2020, Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã có quyết định số: 1015/2020/QĐ-TCGD yêu cầu Phòng kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Quảng Bình giám định chữ viết tại bản tự khai đề ngày 02/7/2020 có phải là chữ viết của chị Hoàng Thị M hay không? Tại Kết luận giám định số: 1019/PC09(GĐ) ngày 30/7/2020 của Phòng kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Quảng Bình kết luận: Chữ viết dưới mục người

làm bản tự khai trên bản tự khai lập ngày 02/7/2020 so với các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu (M1, M2) là do cùng một người viết ra.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên toà: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của BLTTDS. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 5 Điều 477 BLTTDS, Điều 51, 56, 81, 82, 93 Luật Hôn nhân và gia đình để chấp nhận đơn khởi kiện của anh Phan Ngọc A và đề xử cho anh A và chị Hoàng Thị M được ly hôn. Về con chung: Giao 2 con chung cho anh Phan Ngọc A nuôi dưỡng, chị Lê đóng góp nuôi con theo quy định của pháp luật. Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về tố tụng*: Theo đơn khởi kiện đề ngày 18/11/2019 của Anh Phan Ngọc A, sinh năm 1986 - Địa chỉ: Tổ 1, tiểu khu 6, phường Đồng Sơn, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình về việc yêu cầu giải quyết ly hôn với chị Hoàng Thị M, sinh năm 1987 - Nơi đăng ký NKTT trước khi xuất cảnh: T1, 6, phường Đ, thành phố H, tỉnh Quảng Bình. Hiện cư trú tại CHLB Đức theo địa chỉ: H. 82 1036 Berlin – Lichtenberg – Germany. Căn cứ công văn số: 3804/QLXNC ngày 23/3/2020 của Cục quản lý xuất nhập cảnh Bộ Công an về cung cấp thông tin xuất nhập cảnh đối với chị Hoàng Thị M thì chị M đã xuất cảnh lần cuối cùng vào ngày 26/11/2018, hiện chưa có thông tin nhập cảnh. Vì vậy, căn cứ khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, Điều 476 BLTTDS Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã thụ lý theo thẩm quyền.

Sau khi thụ lý vụ án, Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định tại khoản 1 Điều 474 BLTTDS. Bị đơn chị Hoàng Thị M bản tự khai trình bày đề nghị Toà án xem xét giải quyết cho ly hôn và chị xin được xét xử vắng mặt.

Tại phiên toà hôm nay, nguyên đơn anh Phan Ngọc A có mặt, bị đơn chị Hoàng Thị M vắng mặt. Ý kiến đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên toà đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ theo quy định tại khoản 1 Điều 227, điểm a khoản 5 Điều 477 BLTTDS. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử.

[2]. Về nội dung:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Phan Ngọc A và chị Hoàng Thị M tự nguyện yêu nhau và cả hai cùng thống nhất đi đến hôn nhân, đã đăng ký kết hôn tại UBND phường Đ, thành phố H, tỉnh Quảng Bình vào ngày 12/12/2008 là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, anh Phan Ngọc A và chị Hoàng Thị M sống chung được thời gian, năm 2018 do kinh tế gia đình khó khăn nên chị M sang Cộng hoà liên bang Đức để làm ăn, cải thiện kinh tế gia đình. Theo anh A trình bày khi chị Lê còn ở nhà trong cuộc sống vợ chồng anh chị thường bất đồng quan điểm, nên hay xảy ra mâu thuẫn,

anh và chị M có liên lạc bằng điện thoại và anh chị thống nhất ly hôn. Chị M có bản tự khai trình bày việc anh A làm đơn xin ly hôn chị đồng ý.

Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa anh Phan Ngọc A và chị Hoàng Thị M thực sự không còn, anh A đang ở Việt Nam, chị M hiện nay đang sinh sống tại Cộng hoà liên bang Đức, cả anh A và chị M đều có nguyện vọng xin được ly hôn. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy tình cảm giữa anh A và chị M không có khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh Phan Ngọc A để xử cho anh Phan Ngọc A được ly hôn chị Hoàng Thị M.

2.2. Về quan hệ con chung: Vợ chồng anh A, chị M thống nhất vợ chồng có 02 con chung là Phan B, sinh ngày 08/6/2009 và Phan Hoàng R, sinh ngày 28/10/2010, hiện các con đang ở với anh A. Sau khi ly hôn nguyện vọng của anh A xin được nuôi con nhưng nếu chị M muốn nuôi con anh cũng đồng ý. Về cấp dưỡng nuôi con là tùy chị M. Bị đơn chị M trình bày chị xin được nuôi 2 con, trước mắt chị chưa về nước được chị giao con cho bà Đặng Thị D trông nom, chị sẽ gửi tiền về cấp dưỡng cho các con ăn học.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Sau khi ly hôn anh A và chị M đều có nguyện vọng xin được nuôi con, đây là nguyện vọng chính đáng của anh chị. Việc giao con cho anh A hay chị M chăm sóc nuôi dưỡng phải được xem xét trên điều kiện, hoàn cảnh của mỗi bên để đảm bảo cuộc sống ổn định để phát triển bình thường cho các con. Chị M hiện nay đang ở nước ngoài, chị có trình bày chị uỷ quyền cho bà Đặng Thị D là bà nội các con thay chị trông nom chăm sóc các con, hai cháu Phan B và Phan Hoàng R có trình bày xin được ở với mẹ. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử thấy rằng hai con của anh A và chị M đều ở tuổi thiếu niên, chưa đến 10 tuổi, các con cần có sự chăm sóc trực tiếp của bố mẹ, hiện nay các con cũng đang ở với anh A ổn định. Việc thay đổi quyền nuôi con có thể được thực hiện bằng vụ kiện khác nếu khi M về nước hoặc anh A không có khả năng. Vì vậy, để đảm bảo cuộc sống ổn định cho các con, Hội đồng xét xử nghĩ cần giao các con cho anh A trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Hiện tại anh A không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét mà danh quyền khởi kiện một vụ án khác.

2.3. Về quan hệ tài sản: Anh A, chị M không yêu cầu Toà án giải quyết nên Toà án không xem xét.

[3]. Về án phí, lệ phí uỷ thác tư pháp: Căn cứ Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Anh Phan Ngọc A phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 35, Điều 37; khoản 4 Điều 147; các Điều 227, Điều 235; điểm a khoản 5 Điều 477; Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 Nghị

Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Phan Ngọc Anh, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Phan Ngọc A được ly hôn chị Hoàng Thị Mỹ Lệ.

2. Về quan hệ con chung: Giao 02 con chung là Phan B, sinh ngày 08/6/2009 và Phan Hoàng R, sinh ngày 28/10/2010 cho anh Phan Ngọc A trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

Chị M có quyền thăm và chăm sóc và giáo dục con chung mà không ai được ngăn cản.

3. Về quan hệ tài sản: Không xem xét.

4. Về án phí: Nguyễn đơn anh Phan Ngọc A phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại biên lai số: AA/2017/00006810 ngày 06/12/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình. Anh Anh đã nộp đủ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Quyền kháng cáo: Án xử công khai báo cho nguyên đơn anh Phan Ngọc A có mặt được biết có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn chị Hoàng Thị M vắng mặt được biết có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh QB (P9);
- Cục THADS tỉnh QB;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

(Đã ký)

Nguyễn Hữu Tuyên